TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/01/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Thương;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;
Bà Trần Thị Thanh Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Tố Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc "*Ly hôn và tranh chấpnuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Thanh N, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Quỳnh L, địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2024, nguyên đơn anh Phan Thanh N trình bày:

Anh Phan Thanh N và chị Phạm Thị Quỳnh L đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Sau một thời gian chung sống thì hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay chị L đang đi

xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh N thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Thần Minh Q, sinh ngày 29/11/2014, hiện nay cháu đang ở với anh N. Anh N có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Quỳnh L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh N.

Tại Biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thể hiện: Thông qua mạng xã hội chị L đồng ý ly hôn với anh N, tuy nhiên hiện nay chị L đang lao động tại Đài Loan nên không thể nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho chị L. Chị L đã nhờ bố mẹ mình là ông Phạm Xuân Cảm và bà Trần Thị Hồng nhận thay các văn bản tố tụng cho chị L nhưng bố mẹ chị L từ chối nhận nên Tòa án đã lập biên bản niêm yết văn bản tố tụng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thựchiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án nhưng không cung cấp địachỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nên đây là trường hợp cốtình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quyđịnh tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềmức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho anh Phan Thanh N được ly hôn chị Phạm Thị Quỳnh L.

+ Về con chung: Giao cháu Phan Thần Minh Q, sinh ngày 29/11/2014 cho anh Phan Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh Phan Thanh N chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Thanh N yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Quỳnh L khi chị L đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, anh N và gia đình chị L không cung cấp được địa chỉ của chị L tại Đài Loan. Thông qua gia đình, chị L nhờ bố mẹ nhận thay các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho chị L và thông báo lại cho chị L được biết nhưng bố mẹ chị L từ chối nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án. Chị L biết việc anh N làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng chị L không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của anh N nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phan Thanh N và chị Phạm Thị Quỳnh L trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh N làm đơn ly hôn, chị L vẫn biết việc anh N làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không liên lạc với anh N để bàn bạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện và mâu thuẫn giữa anh N và chị L là không thể hàn gắn được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh N và chị L có 01 con chung là cháu Phan Thần Minh Q, sinh ngày 29/11/2014, hiện đang được anh N chăm sóc, nuôi dưỡng và xét nguyện vọng nuôi con của anh N phù hợp với nguyện vọng của cháu Quân nên giao cháu Quân cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển của cháu. Anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Phan Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh N được ly hôn chị Phạm Thị Quỳnh L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thần Minh Q, sinh ngày 29/11/2014 cho anh Phan Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Phạm Thị Quỳnh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Quỳnh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000195 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Phan Thanh N đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Trung Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hà **Nguyễn Văn Thảo Nguyên** **Đoàn Thị Kim Thương**